TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 243A/2023/DS-PT

Ngày: 07/06/2023

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Chí Đức;

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh D;

Ông Nguyễn Thế Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 2 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ vay tài sản do người chết để lại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 703/2023/QĐ– ngày 17 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1960; (Có mặt)

Địa chỉ: 175/2F1, Trần Quốc Tuấn, phường 4, thành phố B1, tỉnh B .

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: 510A ấp 1, xã Phú Nhuận, thành phố B1, tỉnh B .

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 389, ấp Nhơn Nghĩa, xã Nhơn Thạnh, thành phố B1, tỉnh B .

Bà Nguyễn Ngọc Diệp, sinh năm: 1993; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 389, ấp Nhơn Nghĩa, xã Nhơn Thạnh, thành phố B1, tỉnh B .

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G và bà Trần Ngọc Diệp: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ An C, xã Mỹ Thạnh An, thành phố B1, tỉnh B .

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị G là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thúy M, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc N trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 10/01/2017, bà M có cho vợ chồng ông P, bà G vay số tiền 85.000.000 đồng. Lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Thời hạn trả là khi giải quyết xong vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã Nhơn Thạnh giữa bà G với bà Nguyễn Thị A. Mục đích vay: đóng tiền tạm ứng án phí trong vụ án giữa bà G và bà A.

Trong lúc Tòa án đang giải quyết vụ án thì ông P chết. Ngày 19/9/2019, vụ án của bà G và bà A được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre giải quyết xong, theo đó, bà G được Tòa án tuyên công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre. Sau khi vụ án được giải quyết xong, bà M có yêu cầu bà G và bà Diệp (là người thừa kế của ông P) chịu trách nhiệm liên đới trả nợ nhưng bà G và bà Diệp không thực hiện. Do đó, bà M khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre yêu cầu bà G và bà Diệp chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền 85.000.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên từ ngày 19/9/2019 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm.

Tại phiên tòa, bà M xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà Diệp và bà G thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông P để lại do không chứng minh được khi ông P chết có để lại di sản thừa kế cho bà Diệp và bà G. Bà M yêu cầu

bà Nguyễn Thị G chịu trách nhiệm trả số tiền vay 85.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ khi khởi kiện vào ngày 12/01/2021 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm số tiền 14.379.000 đồng do bà G cùng với ông P vay tiền của bà M. Do đã có kết quả giám định chữ ký, chữ viết của bà G nên bà M không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị G, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Khi ông P còn sống, bà G và ông P không có giao dịch gì với bà Nguyễn Thúy M. Chữ ký trong biên nhận ngày 10/01/2017 do bà M cung cấp không phải của bà G và ông P. Do đó bà G không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc Diệp - ông Nguyễn Văn D trình bày:

Khi ông P còn sống, theo bà Diệp ông P không có giao dịch gì với bà Nguyễn Thúy M. Chữ ký trong biên nhận ngày 10/01/2017 do bà M cung cấp không phải của ông P. Khi ông P chết cũng không để lại tài sản gì cho bà Diệp nên bà Diệp không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại Giấy cam kết ngày 01/3/2021, người làm chứng bà Nguyễn Thị Sắc trình bày:

Do bà M làm chủ hụi nên hàng tháng vào ngày mùng 10 bà sẽ đến nha 2ba2 M để đóng tiền hụi. Bà có chứng kiến ngày 10/01/2017 tại nhà bà M có rất đông hụi viên, lúc đó vợ chồng bà G ký tên vào Giấy mượn tiền của bà M. Bà M có giao tiền và bà G có đếm tiền trước mặt mọi người. Bà G nói là do không có tiền đóng án phí cho Tòa án nên bà mượn tiền bà M. Còn việc bà G có đóng án phí không thì bà không biết.

Tại Giấy cam kết ngày 26/02/2021, người làm chứng bà Trần Thị Đèo trình bày:

Ngày 10/01/2017, bà có đến nhà bà M để đóng tiền hụi. Bà chứng kiến bà G và chồng là ông P có mặt tại nhà bà M để ký Giấy mượn tiền. Bà G có giải thích là mượn tiền để đóng tiền Tòa án.

Tại Giấy cam kết ngày 26/02/2021, người làm chứng bà Hồ Thị Ánh trình bày:

Ngày 10/01/2017, bà có đến nhà bà Nguyễn Thúy M để đóng tiền nên bà chứng kiến bà G và chồng có ký tên vào giấy mượn tiền tại nhà bà M. Mà M và bà G có giao nhận và đếm tiền. Bà G có nói với bà do kẹt tiền để đ1ong cho Tòa án nên mượn của bà M

Tại Giấy cam kết ngày 01/3/2021, người làm chứng ông Trần Trung Sậm trình bày:

Thời gian Tòa án tỉnh Bến Tre xét xử vụ án tranh chấp đất đai giữa bà G với bà Nguyễn Thị A, qua xét xử bà G thua kiện nên phải chịu án phí, lúc đó bà G và gia đình không có tiền nên bà và ông P có đến nhà bà Nguyễn Thúy M để mượn tiền đóng án phí. Số tiền bà G và ông P mượn là 85.000.000 đồng. Lý do ông biết vì gia đình bà G là thông gia với gia đình ông nên mọi việc đều có thông tin cho ông biết để ông giúp đỡ. Sau khi nhận đủ tiền và làm giấy tờ, ông P có đưa ông xem Giấy mượn nợ và nói đã nhận đủ tiền của bà M xong rồi.

Tại Tờ tường trình ngày 16/5/2022, người làm chứng bà Nguyễn Thị Dung trình bày:

Tại quán cà phê cô Sương ở ấp Nhơn Nghĩa, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, bà G có nói với bà mượn bà M 85.000.000 đồng để đóng tiền án phí, tất cả chi phí thưa kiện đều do bà M cho mượn hết chứ gia đình bà G không có khả năng. Lúc bà G nói câu này có rất nhiều người cùng nghe. Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ ngày tháng năm nào.

Tại Tờ tường trình ngày 24/5/2022, người làm chứng bà Trần Như Phấn trình bày:

Do bà thường đến nhà bà M để đi chùa, lần nào đến bà cũng gặp bà G ở nhà bà M nên bà có tiếp xúc với bà G. Một lần bà không nhớ ngày tháng có gặp vợ chồng bà G tại nhà bà M. Bà M có đưa trước tiền cho bà G 85.000.000 đồng. Bà G nhận tiền và đếm tiền trước mặt bà và mọi người. Bà G nói kẹt tiền nên mượn bà M để đóng án phí cho Tòa.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B đã tuyên:

Căn cứ Điều 117, khoản 2 Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015.

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy M: Buộc bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thúy M số tiền

99.379.000 đồng (Chín mươi chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn) gồm 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng tiền vốn gốc và 14.379.000 (Mười bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn) đồng tiền lãi.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Ngọc Diệp thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Nguyễn Văn P để lại.

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ y án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B .

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị G và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị G kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Bà G giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B .

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào Điêu 228 Bộ luật tố tụng dân sự

2015 xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà M yêu cầu bà G chịu trách nhiệm trả số tiền vay 85.000.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên từ khi khởi kiện vào ngày 12/01/2021 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm số tiền 14.379.000đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 10/01/2017.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng bà không có thực hiện việc vay tiền của bà M, chữ ký trong biên nhận ngày 10/01/2017 do nguyên đơn cung cấp không phải của bà G và ông P.

[3] Đối với yêu cầu trả nợ gốc số tiền 85.000.000đồng: căn cứ theo Kết luận giám định ngày 01/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, Kết luận giám định số 560/C09B ngày 18/01/2022 tại Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo Kết luận giám định số 4146/KL-KTHS ngày 09/9/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở kết luận ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị G đã thực hiện việc vay số tiền 85.000.000đồng của bà Nguyễn Thúy M vào ngày 10/01/2017. Do ông P đã chết, nên bà M khởi kiện yêu cầu bà G chịu trách nhiệm trả số tiền vay 85.000.000đồng.

Xét thấy, bà G và ông P là vợ chồng có trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình, bà G và ông P cùng thực hiện việc vay tiền của bà Nguyễn Thúy M, do ông P đã chết nên bà M yêu cầu bà G thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 85.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi số tiền 85.000.000 đồng kể từ ngày 12/01/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm. Xét thấy, căn cứ theo bản chính Biên nhận ngày 10/01/2017 do bà M cung cấp, bà M cho ông P và bà G vay không xác định kỳ hạn, không thỏa thuận lãi suất. Căn cứ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một khoảng thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Việc bà M sao gửi Đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo cho bà G khi khởi kiện là đã báo cho bà G việc bà M đòi lại tài sản nhưng bà G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do bà G không thực nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà M yêu cầu tính lãi số tiền 85.000.000đồng kể từ khi khởi kiện vào ngày 12/01/2021 đến khi xét xử là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền

lãi bà G phải trả cho bà M được tính cụ thể như sau: 85.000.000đ x 10%/năm x 01 năm 08 tháng 09 ngày = 14.379.000 đồng

Tổng cộng, bà G phải trả cho bà M số tiền= 85.000.000 đồng + 14.379.000 đồng = 99.379.000 đồng

[7]. Từ các phân tích trên, HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo nhưng Bà Nguyễn Thị G không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà G.

[8]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị G thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị G.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2022/DS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B .

Căn cứ:

- Điều 117, khoản 2 Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy M: Buộc bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thúy M số tiền 99.379.000đồng (Chín mươi chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn) đồng gồm 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng tiền vốn gốc và 14.379.000 (Mười bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn) đồng tiền lãi.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Ngọc Diệp thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Nguyễn Văn P để lại.

3. Chi phí thu thập chứng cứ:

- Chi phí giám định chữ ký, chữ viết: bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thúy M số tiền 2.400.000đồng.

- Chi phí thu thập chứng cứ khác: 220.000đồng bà Nguyễn Thúy M tự nguyện chịu nên ghi nhận – bà M đã nộp xong

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị G thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Đức